

Số: 639/GTCB-TCKT

Cao Bằng, ngày 26 tháng 4 năm 2018

V/v: Giải trình kết quả SXKD 2016-2017



Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 và năm 2017.

I- Kết quả SXKD năm 2016: - 248.168.249.775,đ

1/Năm 2016 các chỉ tiêu tiêu hao nguyên nhiên vật liệu chính phần lớn không đạt yêu cầu kế hoạch. Cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu tiêu hao	Đơn vị tính	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	Đơn giá (VNĐ)	Sản lượng (tấn)	Tiết kiệm (+)/Bội chi (-) (Triệu VNĐ)
A	Px Thiêu kết					164.663,36	(42.348,25)
1	Quặng cám	kg/TQt	908,00	610,48	943.076		46.201,33
2	Tinh quặng sắt	kg/TQt	72,00	310,29	1.154.640		(45.305,00)
3	Vôi nung 0~5mm	kg/TQt	43,18	105,20	2.005.159		(20.477,02)
4	Đá vôi	kg/TQt	180,00	128,95	183.559		1.542,87
5	Đôlômite	kg/TQt	55,00	58,10	219.985		(112,18)
6	Than cám 3A	kg/TQt	61,00	64,99	2.644.414		(1.736,75)
7	Than cốc vụn	kg/TQt	-	25,60	4.646.657		(19.584,48)
8	Điện năng	kWh/TQt	48,00	60,10	1.444		(2.877,02)
B	Px Luyện gang			-		114.846,32	(50.274,61)
1	Quặng thiêu kết	kg/Tgl	1.500,00	1.416,80	1.374.788		13.135,64
2	Quặng cục	kg/Tgl	310,00	602,81	444.154		(14.936,15)
3	Than cốc	kg/Tgl	500,00	602,49	4.646.657		(54.694,20)
4	Than antraxit	kg/Tgl	150,00	93,18	2.644.414		17.256,71
5	Điện năng	Kwh/Tgl	179,00	245,55	1.444		(11.036,61)
C	Px Luyện thép			-		81.154,35	(32.941,06)
1	Gang lỏng	kg/T phôi	980,00	1.113,83	6.447.902		(70.030,54)
2	Thép phế, gang cục	kg/T phôi	127,00	91,86	6.800.000		19.393,18
3	Quặng thiêu kết	kg/T phôi	41,00	24,01	1.374.788		1.895,50
4	Vôi nung 10~50mm	kg/T phôi	78,60	78,00	1.896.360		92,58
5	Đôlômite	kg/T phôi	2,26	10,66	210.000		(143,23)
6	Fe-Si	kg/T phôi	0,95	1,07	24.949.713		(246,31)
7	Fe-Mn	kg/T phôi	11,42	7,68	19.444.874		5.901,77
8	Si-Mn	kg/T phôi	10,40	5,12	18.849.818		8.079,77
9	Si-Ca	kg/T phôi	2,07	1,68	42.483.278		1.354,13
10	Nhôm cục	kg/T phôi	0,78	0,36	39.851.012		1.354,31
11	Chất tăng C	kg/T phôi	3,56	3,42	24.058.009		282,07
12	Điện năng	kWh/T phôi	95,00	102,46	1.444		(874,31)

Tổng cộng: (125.563,93) triệu đồng.

• Nguyên nhân:

- Năm 2016 dây chuyền thiết bị công nghệ tại Khu liên hợp đang trong giai đoạn mới đi vào hoạt động nên còn nhiều tồn tại, thường xuyên xảy ra sự cố phải dừng sửa chữa, căn chỉnh. Trong thời gian xử lý các vấn đề tồn tại đó các

phụ tải điện cần thiết vẫn phải hoạt động, lò cao vẫn cần nhiên liệu để ủ lò... Dẫn đến việc tiêu hao điện năng, nhiên liệu vượt kế hoạch.

- Xưởng tuyến cuối năm 2016 mới đi vào hoạt động nên trong năm nguồn quỹ đầu vào không đảm bảo, phẩm vị TFe thấp, SiO₂ cao dẫn đến việc tăng tiêu hao chất trợ dung trong sản xuất.

- Do quá trình chuyển giao công nghệ của Nhà thầu EPC chưa đạt được yêu cầu, dẫn đến việc kiểm soát công nghệ, các chỉ tiêu tiêu hao chưa tốt, tỷ lệ thực thu kim loại thấp.

- Công nhân chưa làm chủ được thiết bị, công nghệ, chưa có ý thức trách nhiệm trong việc vận hành thiết bị nên thường xuyên xảy ra sự cố. Một số công nhân vận hành chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của kỹ thuật công nghệ. Việc thực hiện nhiệm vụ thiếu năng lực, kinh nghiệm. Ý thức chấp hành nội quy, quy định còn nhiều hạn chế, trình độ vận hành của người lao động tại một số vị trí chưa đồng đều tác phong công nghiệp chưa cao, kỹ năng, kinh nghiệm sửa chữa thiết bị đặc biệt sử lý sự cố còn nhiều hạn chế dẫn tới thời gian xử lý kéo dài.

- Công tác chuẩn bị vật tư, thiết bị dự phòng còn hạn chế nên khi có sự cố xảy ra chưa được xử lý kịp thời thậm trí còn kéo dài thời gian do phải chờ vật tư, thiết bị thay thế do vậy năng suất cũng như chất lượng sản phẩm chưa đạt.

- Các sự cố thiết bị xảy ra ở các Phân xưởng dẫn đến dừng sản xuất nguyên nhân chủ yếu do Phân xưởng không chủ động trong công tác kiểm tra sửa chữa, bảo dưỡng, công nhân vận hành chưa theo dõi kiểm tra được chính xác tình trạng thiết bị khi hoạt động (*đảm bảo chế độ dầu, mỡ, bắt xiết vệ sinh đặc biệt là thiết bị cơ điện*), không kịp phát hiện các hư hỏng nhỏ dẫn đến khi hoạt động gây ra hư hỏng lớn.

- Đội ngũ điều hành chưa sát sao trong chỉ đạo sản xuất, thực hiện nhiệm vụ theo mảng được phân giao còn hạn chế; chưa có sự chủ động tiên lượng trước những sự cố và nguy cơ tiềm ẩn sự cố có thể xảy như: treo liệu, sụt liệu lò cao, tốc độ ăn mòn thể xây lò thổi, kinh nghiệm thao tác thổi luyện lò chuyên, vận hành sản xuất điều chế Oxy, dự phòng vật tư thay thế thiết bị, chuẩn bị nguyên liệu ... những hạn chế này là nguyên nhân chính dẫn tới ổn định sản xuất thấp, hiệu quả kinh doanh không cao.

- Năm 2016 công nhân chưa làm chủ được công nghệ nên xảy ra các sự cố treo liệu, sụt liệu tại lò cao, sôi trào thép tại lò chuyên dẫn đến tiêu hao các loại nguyên nhiên liệu, vật tư nhiều mà tỷ lệ thành phẩm thấp.

- Trình độ vận hành chưa đạt yêu cầu như: Vận hành cầu trục Phân xưởng Luyện thép làm đứt cáp, vỡ pully; vận hành điện Phân xưởng Năng lượng vận tải đóng cầu dao cách ly 10KV có tải làm hỏng dao cách ly cấp điện cho máy nén oxy...

- Lãnh đạo điều hành tại một số Phòng, Ban, Phân xưởng, có nhiều hạn chế trong việc động viên, tuyên truyền giải thích cho người lao động về chế độ chính sách, điều hành sản xuất chưa quyết liệt, thiếu khoa học...

2/ Ảnh hưởng của giá các loại vật tư nguyên nhiên liệu:

Trong năm 2016 giá của các loại vật tư nguyên nhiên liệu có nhiều biến động so với kế hoạch, cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu tiêu hao	Đơn giá KH2016 (VNĐ)	Đơn giá TH2016 (VNĐ)	Đơn vị tính	Tiêu hao 2016	Sản lượng (tấn)	Tiết kiệm (+)/Bội chi (-) (Triệu VNĐ)
A	Px Thiêu kết					164.663,36	(49.106,97)
1	Quặng cám	507.868	943.076	kg/TQtk	610,48		(43.748,95)
2	Tinh quặng sắt	1.075.000	1.154.640	kg/TQtk	310,29		(4.069,05)
3	Vôi nung 0~5mm	2.000.000	2.005.159	kg/TQtk	105,20		(89,37)
4	Đá vôi	187.000	183.559	kg/TQtk	128,95		73,07
5	Đôlômite	220.000	219.985	kg/TQtk	58,10		0,14
6	Than cám 3A	2.895.000	2.644.414	kg/TQtk	64,99		2.681,58
7	Than cốc vụn	3.800.000	4.646.657	kg/TQtk	25,60		(3.568,45)
8	Điện năng	1.405	1.444	kWh/TQtk	60,10		(385,95)
B	Px Luyện gang					114.846,32	(52.590,76)
1	Quặng cục	507.868	444.154	kg/Tgl	602,81		4.410,92
2	Than cốc	3.800.000	4.646.657	kg/Tgl	602,49		(58.583,43)
3	Than antraxit	2.895.000	2.644.414	kg/Tgl	93,18		2.681,58
4	Điện năng	1.405	1.444	Kwh/Tgl	245,55		(1.099,82)
C	Px Luyện thép					81.154,35	(11.918,54)
1	Thép phế, gang cục	5.000.000	6.800.000	kg/T phôi	91,86		(13.418,40)
2	Vôi nung 10~50mm	2.000.000	1.896.360	kg/T phôi	78,00		656,03
3	Đôlômite	220.000	210.000	kg/T phôi	10,66		8,65
4	Fe-Si	24.950.000	24.949.713	kg/T phôi	1,07		0,02
5	Fe-Mn	19.500.000	19.444.874	kg/T phôi	7,68		34,36
6	Si-Mn	18.850.000	18.849.818	kg/T phôi	5,12		0,08
7	Si-Ca	50.200.000	42.483.278	kg/T phôi	1,68		1.050,36
8	Nhôm cục	42.000.000	39.851.012	kg/T phôi	0,36		63,00
9	Chất tăng C	24.100.000	24.058.009	kg/T phôi	3,42		11,64
10	Điện năng	1.405	1.444	kWh/T phôi	102,46		(324,29)

Tổng cộng: **(113.616,27)** triệu đồng

•Nguyên nhân:

- Sự biến động của giá cả thị trường thế giới và trong nước dẫn đến giá các loại vật tư tăng cao hơn so với kế hoạch cụ thể như: than cốc, vôi nung các loại..

- Địa bàn tỉnh Cao Bằng giao thông vận tải chỉ có đường bộ, các loại vật tư nguyên nhiên liệu chủ yếu được nhập từ các địa phương khác đến nên các chi phí phát sinh tăng cao kéo theo giá vật tư nguyên nhiên liệu tăng cao.

- Một số loại vật tư tồn kho từ năm 2015 với giá trị bao gồm giá tồn kho nên cao hơn giá kế hoạch như quặng cám, tinh quặng sắt ...

- Một số loại vật tư do chưa có kế hoạch dự phòng nên khi có nhu cầu mua sẽ có giá cao hơn giá thông thường.

- Do ảnh hưởng của nguồn vốn nên Công ty chưa thực hiện được kế hoạch mua vật tư theo lô lớn để có giá cạnh tranh.

- Bộ phận Vật tư chưa chủ động trong việc tham mưu chính xác dự đoán giá cả thị trường vật tư nguyên nhiên liệu.

- Công tác mua sắm vật tư chưa thực sự hiệu quả, giá cả chưa đảm bảo tính cạnh tranh do việc dự phòng vật tư còn nhiều hạn chế.



II- Kết quả SXKD năm 2017: 2.300.349.867,đ

1. Do giá bán bình quân thực hiện thực tế giảm so với kế hoạch:

TT	Chỉ tiêu	Sản lượng tiêu thụ (tấn)	Giá bán KH 2017 (đồng)	Giá bán BQ năm 2017 (đồng)	Doanh thu (tr.đồng)
A	B	1	2	3	4=1*(3-2)
1	Phôi thép	213.703	10.277.950	10.155.344	(26.201)

2. Các chi phí lãi vay, khấu hao tăng so với kế hoạch:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2017	Thực hiện năm 2017	Tăng (+); Giảm (-)
A	B	C	1	2	3=(2)-(1)
	Tổng cộng				24.178
1	Lãi vay	Tr.đ	125.582	133.068	7.486
2	Khấu hao TSCĐ	Tr.đ	103.773	120.465	16.692

3. Chi phí tăng/giảm do giá bình quân nguyên liệu đầu vào:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Sản lượng tiêu hao	Đơn giá thực hiện (đồng)	Đơn giá Kế hoạch (đồng)	Tăng(+); Giảm(-); Tr.đ
A	B	C	1	2	3	4=1*(2-3)
	Tổng cộng					76.911
1	Thiêu kết					43.807
-	Tinh quặng sắt <1mm	Tấn	80.588	1.376.705	922.796	36.580
-	Quặng sắt vụn 0-8mm	Tấn	139.796	530.892	486.847	6.157
-	Đá vôi (0-3mm)	Tấn	35.540	165.365	180.000	-520
-	Vôi sống (0-5mm)	Tấn	22.014	1.296.026	1.380.000	-1.849
-	Đôlomit 0-3mm	Tấn	19.180	215.816	220.000	-80
-	Than cốc vụn	Tấn	8.697	7.374.042	7.000.000	3.253
-	Than cám	Tấn	10.699	2.964.153	2.956.625	81
-	Điện	kWh	15.251.448	1.454	1.450	186
2	Luyện gang					32.645
-	Quặng cục 8-38mm	Tấn	81.176	420.792	486.847	-5.362
-	Than cốc	Tấn	100.786	7.374.042	7.000.000	37.698
-	Than cám	Tấn	22.056	2.964.153	2.956.625	166
-	Đá vôi (10-40mm)	Tấn	1.091	172.385	180.000	-8
-	Điện	kWh	37.815.668	1.454	1.450	151
3	Luyện thép					459
-	Ferro Silic	Tấn	714	23.513.026	24.900.000	-990
-	Silico mangan	Tấn	1051	22.680.866	18.850.000	4.027
-	Nhôm cục	Tấn	43	32.785.533	42.000.000	-397
-	Vôi nung 10-50 mm	Tấn	9.245	1.314.889	1.380.000	-602
-	Chất tăng Cacbon	Tấn	380,914	19.836.105	24.100.000	-1.624
-	Điện	kWh	11.374.266	1.454	1.450	45

4. Chi phí tăng/giảm do các chỉ tiêu tiêu hao so với kế hoạch:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	ĐM KH 2017	Tiêu hao thực hiện	Đơn giá thực hiện (đồng)	Tăng(+); Giảm(-); (Tr.đồng)
A	B	C	1	2	3	4=(2-1)*3
	Tổng cộng					43.031
1	Thiêu kết	Tấn		293.887		38.591
-	Đá vôi (0-3mm)	Kg/TQtk	150	121	165.365	-1.413
-	Vôi sống (0-5mm)	Kg/TQtk	50	75	1.296.026	9.487
-	Đôlomit 0-3mm	Kg/TQtk	47	65	215.816	1.158
-	Tham cám	Kg/TQtk	51	36	2.964.153	-12.714
-	Than cốc vụn	Kg/TQtk	9	30	7.374.042	45.510
-	Điện	kWh/Tqtk	60	52	1.462	-3.438
2	Luyện gang	Tấn		202.618		60.376
-	Than cốc	Kg/T.GL	450	497	7.374.042	70.854
-	Than cám	Kg/T.GL	120	109	2.964.153	-6.693
-	Đá vôi (10-40mm)	Kg/T.GL	1	5	172.385	153
-	Điện	kWh/T.GL	200	187	1.454	-3.937
3	Luyện thép	Tấn		190.169		-55.937
-	Ferro Silic	Kg/Tphôi	1,36	2,37	27.509.102	5.278
-	Ferro Mangan	Kg/Tphôi	11,00	3,75	23.513.026	-32.402
-	Silico mangan	Kg/Tphôi	10,00	5,53	22.680.866	-19.290
-	Nhôm cục	Kg/Tphôi	0,35	0,23	32.785.533	-768
-	Vôi nung 10-50 mm	Kg/Tphôi	45	48,62	1.314.889	904
-	Đôlômít	Kg/Tphôi	8,5	8,86	207.161	14
-	Silico can xi(SiCa)	Kg/Tphôi	0,5	0,29	39.500.001	-1.595
-	Chất tăng Cacbon	Kg/Tphôi	1,6	2,00	19.836.105	1.509
-	Ống đồng bộ kết tinh	Cái/1000 TSP	0,3	0,27	33.765.814	-204
-	Đầu súng Oxy	Cái/1000 TSP	0,45	0,26	1.757.143	-64
-	Điện	kWh/Tphôi	95	61	1.454	-9.318

* Các nguyên nhân chính làm tăng tiêu hao nguyên nhiên vật liệu:

+ Thời tiết mưa nhiều, nguyên nhiên liệu để ngoài trời, không có mái che dẫn tới độ ẩm nguyên nhiên liệu cao, gây khó khăn cho công nghệ thiêu kết, ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng quặng thiêu kết.

+ Do nguồn nguyên liệu quặng sắt đầu vào không đảm bảo (Fe, Si...), nên tổng quặng đầu vào thiêu kết có tổng hàm lượng SiO₂ cao, để điều chỉnh ổn định độ kiềm quặng thiêu kết đạt 1,6~1,7 nên chỉ tiêu tiêu hao các chất trợ dung vôi bột, đôlômít tăng so với kế hoạch.

+ Tiêu hao FeSi cao hơn so với kế hoạch chủ yếu do nhiệt độ gang lỏng thấp nên tiến hành thêm FeSi trước khi nấu luyện để tăng nhiệt hóa học. Ngoài ra sử dụng FeSi để nhằm giảm tiêu hao SiCa để tăng hiệu quả kinh tế (giá SiCa cao hơn 1,2 lần giá FeSi).

+ Tiêu hao cốc/gang tăng từ 450 kg/tấnKH lên 497kg/tấn, làm tăng chi phí so với kế hoạch, nguyên nhân do:

✓ Sản lượng quặng thiêu kết không cung cấp đủ cho lò cao theo yêu cầu công nghệ (tỷ lệ Qtk/Qs = 80/20) nên lò cao phải tăng tỷ lệ nạp quặng cục 8 -38 mm (Qs) dẫn tới tăng các chỉ tiêu tiêu hao, như: đá vôi, than cốc, ... cụ thể như kết cấu liệu nạp vào lò cao trong tháng 7 là: 76/24; tháng 8: 75,8/24,2 và tháng 9: 78/22)

✓ Hàm lượng sắt trong quặng thiêu kết thấp (bình quân 50,9%Fe), yêu cầu theo kế hoạch là 54 – 55%Fe nên ảnh hưởng đến sản lượng nước gang.

✓ Cỡ hạt than cốc không đảm bảo (tỷ lệ cỡ hạt từ 25 - 40 mm tương đối lớn) gây bí lò, giảm tốc độ ăn liệu, năng suất thấp, tăng các chỉ tiêu tiêu hao.

+ Hàm lượng SiO₂ trong quặng cao (>8%) nên phải bổ sung đá vôi trong quá trình luyện gang làm tăng tiêu hao than cốc.

+ Việc tăng cường sử dụng quặng sống nên phải bổ sung đá vôi do vậy phải tăng lượng than cốc để đảm bảo nhiệt độ nước gang.

+ Thời tiết mưa nhiều nên nguyên liệu (quặng cục và than cốc) có độ ẩm rất lớn phải bổ sung than cốc vào lò cao để đảm bảo ổn định nhiệt độ nước gang.

5. Chi phí sửa chữa lớn và sửa chữa thường xuyên giảm so với kế hoạch:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2017	Thực hiện năm 2017	Tăng (+); Giảm (-)
A	B	C	1	2	3=(2)-(1)
	Tổng cộng				-57.461
1	Sửa chữa lớn	Tr.đ	20.150	3.387	-16.763
2	Sửa chữa thường xuyên	Tr.đ	69.719	29.021	-40.698

Trên đây là một số nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh năm 2016 và 2017, công ty xin giải trình với sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
-Như kính gửi;
-Lưu:VT, KTTTC.



Vương Thanh Giang